TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 12/7/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thuý Phượng**.
Các Hội thẩm nhân dân: - Bà: **Ngụy Thị Thanh Thủy**
- Ông: **Nguyễn Văn Thu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Minh Nguyệt** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến** Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023; Tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp do vi phạm hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông **Trương Đ**. Sinh năm: 1976.
Địa chỉ: thôn M, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
* *Bị đơn*: Bà **Leng M**. Sinh năm: 1988.
Địa chỉ: thôn P, xã R, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
(*Ông Đ và bà M có mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 15 tháng 04 năm 2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và lời trình bày của ông Trương Đ tại phiên tòa thì:*

Ông có quen biết với bà Leng M từ năm 2021, ông từ Bình Định vô xã R, huyện Đ để làm rẫy nên hai bên có gặp gỡ và qua lại với nhau và ông có cho bà M vay tiền nhiều lần, ông có ghi chép cụ thể từng khoản, tuy nhiên bắt đầu cho vay từ khi nào thì ông không nhớ rõ, sau đó do tin tưởng lẫn nhau và bà M vay nhiều lần và nhiều địa điểm khác nhau nên ông không có sổ sách để ghi chép lại ngay và đầy đủ từng lần một để bà M ký xác nhận trong sổ, nên cũng có số nợ ông không ghi thời điểm vay, tất cả các khoản nợ đều không thỏa thuận thời hạn phải trả nợ vay cũng như lãi suất cho vay.

Nhưng sau nhiều lần gặp bà M để yêu cầu trả nợ thì bà M không trả mà còn có thái độ không hợp tác, thách thức ông. Do đó, ông đã cộng tất cả số tiền của các lần vay của bà M và yêu cầu bà M phải ghi giấy chốt nợ lại với số tiền 236.000.000 đồng vào ngày 15/01/2023 và bà M đã đồng ý.

Việc bà M cho rằng ông đe dọa, đòi giết bà nhiều lần nên bà mới đồng ý ký vào giấy nhận nợ là hoàn toàn không đúng. Vì trước đó ông đã trao đổi với bà M nhiều lần về các khoản vay của bà thì bà M nói ông cứ cộng lại và bà sẽ ký giấy chốt nợ. Do đó, đến ngày 15/01/2023 ông hẹn gặp bà M tại quán cà phê Mười Thu để nói chuyện và tại đây bà M đã tự ghi và ký vào giấy nhận nợ cho ông và ông đã xuất trình cho Tòa án, tại quán khi đó có rất nhiều người uống nước nên không có việc ông đe dọa hay ép buộc bà M ký giấy tờ nhận nợ theo như bà M trình bày.

Ông đã yêu cầu bà M nhiều lần nhưng bà Mcố tình không trả nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Leng M trả cho ông số tiền gốc đã vay tổng cộng là 236.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu đồng). Ngoài ra, ông không yêu cầu gì thêm.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng như ý kiến trình bày của bị đơn bà Leng M tại phiên tòa thì:*

Bà và ông Đ có quen biết nhau từ năm 2021 và có quan hệ tình cảm với nhau, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nên không còn qua lại với nhau nữa. Việc phát sinh số tiền trên là do ông Đ tự nguyện đưa cho bà để sử dụng phục vụ chi tiêu sinh hoạt gia đình và các mục đích khác chứ bà không vay mượn của ông Đ.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đ, buộc bà trả số tiền vay trên thì bà không đồng ý. Vì trên thực tế bà không vay số tiền 236.000.000 đồng như ông Đ trình bày. Còn việc bà ký nhận nợ ngày 15/01/2023 là do ông Đ ép buộc, đe doạ đòi giết bà nhiều lần, do quá lo sợ nên bà đã gặp ông Đ và chấp nhận ghi và ký vào giấy nhận nợ. Khi bà bị ông Đ đe doạ yêu cầu ghi và ký vào giấy nhận nợ xong sau đó bà không báo công an, chính quyền vì khi đó không ai làm chứng cho bà về việc đe dọa đó.

Nếu ông Đàn đồng ý thì mỗi năm bà sẽ trả cho ông Đ 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Qua xem xét, lời khai của nguyên đơn, bị đơn, đối chiếu với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng bà Leng M có ghi và ký xác nhận nợ ông Trương Đ số tiền 236.000.000 đồng theo giấy ghi nợ đề ngày 15/01/2023, bà M cho rằng ông Đ đe dọa nhưng không đưa ra được cơ sở để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trương Đ buộc bà Leng M phải trả cho ông Đ số tiền 236.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc các bên đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xuất phát từ việc bà Leng M có thừa nhận vay tiền của ông Trương Đ nhiều lần và tự ghi, ký vào giấy nhận nợ đề ngày 15/01/2023 nhưng không trả nên ông Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Leng M có địa chỉ tại thôn P, xã R, huyện Đ. Căn cứ theo quy định tại điều 26, điều 35 và điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện "Tranh chấp về dân sự do vi phạm hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trương Văn Đàn:

Việc ông Trương Đ có cho bà Leng M vay tiền là có trên thực tế, theo giấy nhận nợ mà bà M tự viết và ký xác nhận đề ngày 15/01/2023 thì có nội dung bà M có vay của ông Đ số tiền là 236.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu đồng). Bà M công nhận chữ ký và viết tên trong giấy này là của bà. Tuy nhiên, bà M cho rằng bà bị đe dọa, ép buộc nhiều lần nên mới đồng ý ghi và ký vào giấy nhận nợ như trên nhưng sau đó bà không báo chính quyền, cơ quan Công an về việc này, hơn nữa việc ký Giấy nhận nợ các bên khai rằng tại quán cà phê, là nơi đông người qua lại, dễ phát hiện nên không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của bà M về việc bà bị đen dọa, ép buộc ghi và ký vào giấy nợ đề ngày 15/01/2023.

Đến thời hạn trả nhưng bà M không thực hiện việc trả nợ nên ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả nợ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Trương Đ. Buộc bà Leng M phải trả cho ông Trương Đ số tiền 236.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu đồng).

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm của vụ án. Nhưng bà Leng M là người dân tộc thiểu số, sống tại thôn P xã R, huyện Đ, nằm trong danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2020-2025 theo Quyết định 433/QĐ-UBDT ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và có đơn xin miễn án phí. Nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Leng M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39; Điều 203, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. ***Về trách nhiệm dân sự*****:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Đ. Buộc bà Leng M phải trả cho ông Trương Đ số tiền 236.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. *Về án phí*: Hoàn trả cho ông Trương Đ số tiền 5.900.000 đồng (Năm triệu chín trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông Đàn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010256 ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Leng M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2023) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Phượng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02 bản);
- VKSND huyện Đ (01 bản);
- Chi cục THADS H. Đ (01bản).
- Các đương sự. (02 bản)
- Lưu HSVA.